

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

-----***-----
Số: 16/2025/CBTT-PAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----
Hưng Yên, ngày 29 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi : - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**
Mã chứng khoán: PAS
Địa chỉ trụ sở chính: Số 60 đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí
Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0221 394 82 68
Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Thị Thu Thủy

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0335724136

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2025
kiểm toán đính kèm công văn giải trình báo cáo tài chính.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/04/2025 tại
đường dẫn <http://www.phuonganhgroup.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Đoàn Thị Thu Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1.2025



Tháng 4 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG RIÊNG	6 - 27

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31/03/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	Mẫu số B 01-DN 01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		696,343,525,996	643,042,921,576
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5,352,148,925	18,532,914,362
Tiền	111		5,352,148,925	18,532,914,362
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		374,075,371,064	318,235,150,502
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	193,413,309,098	196,022,758,111
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	154,153,708,571	26,573,022,996
Các khoản phải thu khác	136	9	62,086,711,472	131,217,727,472
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(35,578,358,077)	(35,578,358,077)
Hàng tồn kho	140	10	314,982,462,378	305,088,575,088
Hàng tồn kho	141		318,031,596,564	308,137,709,274
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,049,134,186)	(3,049,134,186)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1,933,543,629	1,186,281,624
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		932,945,052	352,758,612
Thuế GTGT được khấu trừ	152		943,631,912	776,556,347
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	56,966,665	56,966,665
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180,185,851,593	179,178,438,415
Tài sản cố định	220		44,403,091,944	45,251,838,099
Tài sản cố định hữu hình	221	13	44,403,091,944	45,251,838,099
- Nguyên giá	222		120,554,615,095	120,554,615,095
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76,151,523,151)	(75,302,776,996)
Bất động sản đầu tư	230	14	31,581,783,000	31,581,783,000
- Nguyên giá	231		31,581,783,000	31,581,783,000
Tài sản dở dang dài hạn	240		9,829,598,349	9,539,227,653
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9,829,598,349	9,539,227,653
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	91,146,194,031	91,599,178,745
Đầu tư vào công ty con	251		92,514,252,062	92,514,252,062
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		100,000,000	100,000,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,468,058,031)	(1,015,073,317)
Tài sản dài hạn khác	260		3,225,184,269	1,206,410,918
Chi phí trả trước dài hạn	261		3,225,184,269	1,206,410,918
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		876,529,377,589	822,221,359,991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/03/2025

Mẫu số B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		504,525,638,725	451,305,638,948
Nợ ngắn hạn	310		504,525,638,725	451,305,638,948
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	68,153,548,778	108,091,875,854
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,716,963,287	2,158,702,623
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5,935,171,497	5,081,544,474
Phải trả người lao động	314		651,007,089	495,130,062
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		47,930,190	889,468,478
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		938,196,000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		926,688,000	926,718,000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	423,916,521,034	333,422,586,607
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239,612,850	239,612,850
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	372,003,738,864	370,915,721,043
Vốn chủ sở hữu	410		372,003,738,864	370,915,721,043
Vốn góp của chủ sở hữu	411		280,499,680,000	280,499,680,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280,499,680,000	280,499,680,000
Quỹ đầu tư phát triển	418		556,025,698	556,025,698
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90,948,033,166	89,860,015,345
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		89,860,015,345	86,946,208,990
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1,088,017,821	2,913,806,355
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		876,529,377,589	822,221,359,991

Hưng Yên, ngày 25 tháng 04 năm 2025



Trần Thị Hồng Khang
Người lập biểu



Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng




Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
QUÝ 1.2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	266,714,792,843	227,509,219,166	266,714,792,843	227,509,219,166
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	9,821,700	16,144,366	9,821,700	16,144,366
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		266,704,971,143	227,493,074,800	266,704,971,143	227,493,074,800
Giá vốn hàng bán	11	22	256,040,812,025	222,174,286,369	256,040,812,025	222,174,286,369
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,664,159,118	5,318,788,431	10,664,159,118	5,318,788,431
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9,817,681	450,405	9,817,681	450,405
Chi phí tài chính	22	24	6,696,609,779	1,867,105,973	6,696,609,779	1,867,105,973
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,243,625,065	1,839,022,026	6,243,625,065	1,839,022,026
Chi phí bán hàng	25	25	1,041,566,672	459,404,962	1,041,566,672	459,404,962
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	1,573,619,164	950,549,444	1,573,619,164	950,549,444
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,362,181,184	2,042,178,457	1,362,181,184	2,042,178,457
Thu nhập khác	31	26	589	120,469	589	120,469
Chi phí khác	32	27	1,727,597	500,885,538	1,727,597	500,885,538
Lợi nhuận khác	40		(1,727,008)	(500,765,069)	(1,727,008)	(500,765,069)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,360,454,176	1,541,413,388	1,360,454,176	1,541,413,388
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	272,436,355	308,282,678	272,436,355	308,282,678
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,088,017,821	1,233,130,710	1,088,017,821	1,233,130,710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29				

Hưng Yên, ngày 26 tháng 04 năm 2025

Trần Thị Hồng Khang
Người lập biểu

Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1,360,454,176	5,331,173,485
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		848,746,155	3,254,709,288
Các khoản dự phòng	03		452,984,714	(46,124,390,705)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(1,695,293)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(9,817,681)	(49,195,361)
Chi phí lãi vay	06		6,243,625,065	11,577,396,315
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8,895,992,429	(26,012,002,271)
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(56,007,296,127)	(31,512,302,951)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(9,893,887,290)	(8,450,555,556)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(36,934,622,397)	(123,438,838,489)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(169,340,528)	3,576,692,489
Tiền lãi vay đã trả	14		(6,855,373,673)	(11,621,972,602)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(4,963,461,283)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(100,964,527,586)	(202,422,440,663)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2,719,989,959)	(9,230,391,354)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1,119,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(45,400,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	29,900,000,000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,817,681	49,195,361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,710,172,278)	(23,562,195,993)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		199,789,626,417	535,269,470,991
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(109,295,691,990)	(295,064,287,146)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		90,493,934,427	240,205,183,845
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13,180,765,437)	14,220,547,189
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18,532,914,362	4,291,422,319
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	20,944,854
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	5,352,148,925	18,532,914,362

Hưng Yên, ngày 25 tháng 04 năm 2025

Trần Thị Hồng Khang
Người lập biểu

Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, tên viết tắt là PAS (gọi tắt là “Công ty”); được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900613295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 30/08/2010 và thay đổi lần thứ 19 ngày 24/01/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 13/11/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn số 7595/UBCK-GSDC chấp thuận Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh trở thành công ty đại chúng.

Ngày 21/11/2018, Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 105/2018/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là PAS.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 280.499.680.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.).

Tổng số nhân viên của Công ty bao gồm Văn phòng tại ngày 31/03/2025 là 47 người (tại ngày 01/01/2025 là 46 người).

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Bốc xếp hàng hóa (không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke)
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác...

Các công ty con và công ty liên kết: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho Quý 1 năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính riêng cho quý 1 năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng cho quý 1 năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện, vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

4.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa có đầy đủ chứng từ và được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

4.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số thuế của kỳ hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của kỳ hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho kỳ hiện tại là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	2,411,393,292	8,026,075,455
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,940,161,101	10,506,838,907
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	-
	5,351,554,393	18,532,914,362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	193,413,309,098	(27,667,951,085)	196,022,758,111	(27,667,951,085)
- Asian Impex Ltd	26,618,330,643	(26,618,330,643)	26,618,330,643	(26,618,330,643)
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thép Việt	28,555,905,665	-	33,534,705,665	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam				
- Thăng Long	22,517,133,353	-	24,192,442,758	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí 83	16,530,280,024	-	18,615,654,849	-
- Công ty TNHH Green Solar Việt Nam	-	-	16,614,142,536	-
- Công ty TNHH Năng lượng Xanh Thế Giới	30,994,644,745	-	12,935,042,274	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Thép Hoàng				
- Hải	7,270,015,213	-	-	-
- Công ty CP Vật tư thiết bị Trung Nam	15,185,336,995	-	6,258,862,269	-
- Công ty TNHH Năng lượng Thiên Hà Xanh	1,163,998,773	-	8,598,998,773	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kscons	4,211,245,611	-	8,511,245,611	-
- Các khách hàng khác	40,366,418,076	(1,049,620,442)	40,143,332,733	(1,049,620,442)
Dài hạn	193,413,309,098		196,022,758,111	(27,667,951,085)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	154,153,708,571	(7,910,406,992)	26,573,022,996	(7,910,406,992)
- Global Posco Co.,Ltd	7,910,406,992	(7,910,406,992)	7,910,406,992	(7,910,406,992)
- Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	8,676,948,367	-	8,556,948,367	-
- Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ T-Tech Việt Nam	8,010,874,400	-	-	-
- Nguyễn Hùng Cường	83,000,000,000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á	37,026,253,430	-	8,761,727,061	-
- Các đối tượng khác	9,529,225,382	-	1,343,940,576	-
	154,153,708,571	(7,910,406,992)	26,573,022,996	(7,910,406,992)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	62,086,711,472	-	131,217,727,472	-
- Tạm ứng	13,404,468	-	20,823,468	-
- Ký cược, ký quỹ	73,307,004	-	216,904,004	-
- Phải thu khác	62,000,000,000	-	130,980,000,000	-
	62,086,711,472	-	131,217,727,472	-

Phải thu khác bên liên quan

(Chi tiết xem tại Thuyết minh số 28)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	-	-	12,076,591,090	-
- Nguyên liệu, vật liệu	572,746,670	-	494,895,487	-
- Công cụ, dụng cụ	94,004,802	-	93,981,692	-
- Thành phẩm	6,698,396,199	-	5,449,756,636	-
- Hàng hoá	310,455,892,421	(3,049,134,186)	290,022,484,369	(3,049,134,186)
	<u>317,821,040,092</u>	<u>(3,049,134,186)</u>	<u>308,137,709,274</u>	<u>(3,049,134,186)</u>

10. NỢ XẤU

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng				
Công nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm				
+ Asian Impex Ltd	26,618,330,643	-	26,618,330,643	-
+ Các đối tượng khác	1,049,620,442	-	1,049,620,442	-
	7,910,406,992	-	7,910,406,992	-
Trả trước cho người bán				
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
+ Global Posco Co.,Ltd				
Cộng	<u>35,578,358,077</u>	<u>35,578,358,077</u>	<u>35,578,358,077</u>	<u>35,578,358,077</u>



CÔNG TY CỔ QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 1.2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long (*)	92,614,252,062	(1,468,058,031)	92,614,252,062	(1,015,073,317)
- Công ty Cổ phần Khách sạn Kiến Đại Dương (*)	92,514,252,062	(1,468,058,031)	92,514,252,062	(1,015,073,317)
	62,514,252,062	(1,363,493,877)	62,514,252,062	(989,612,736)
	30,000,000,000	(104,564,154)	30,000,000,000	(25,460,581)
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Thành Lâm	100,000,000	-	100,000,000	-
	100,000,000	-	100,000,000	-

(*): Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh sở hữu trực tiếp 1.100.000 cổ phần của Công ty CP Khách sạn Vườn Đào Hạ Long với giá 14.000 đồng/cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCN-VĐHL ngày 12/10/2024 và 02/2024/HĐCN-VĐHL làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 40% lên 51%.

(**): Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh sở hữu trực tiếp 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khách sạn Kiến Đại Dương, tương ứng với 25% vốn điều lệ. Đồng thời, sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long với tỷ lệ 36,125%. Do đó, tỷ lệ sở hữu của PAS tại Công ty Cổ phần Khách sạn Kiến Đại Dương là 61,125%, quyền kiểm soát là 95,83%

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 31/03/2025 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	Đường Hạ Long - Khu 4, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	51%	51%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Công ty Cổ phần Khách sạn Kiến Đại Dương	Số 135 đường Trần Bạch Đằng, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	61,125%	95,83%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Công ty Cổ phần Địa ốc Thành Lâm	97 Lý Triện, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	0,02%	0,02%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
01/01/2025	69,176,956,817	43,165,193,018	6,945,362,727	293,308,980	973,793,553	120,554,615,095
- Mua trong năm			-	-	-	-
31/03/2025	69,176,956,817	43,165,193,018	6,945,362,727	293,308,980	973,793,553	120,554,615,095
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	27,210,235,911	40,102,520,779	6,894,611,186	293,308,980	802,100,140	75,302,776,996
- Khấu hao trong năm	611,112,498	175,493,571	38,665,908	-	23,474,178	848,746,155

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 1.2025

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/03/2025	27,821,348,409	40,278,014,350	6,933,277,094	293,308,980	825,574,318	76,151,523,151
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	41,966,720,906	3,062,672,239	50,751,541	-	171,693,413	45,251,838,099
31/03/2025	41,355,608,408	2,887,178,668	12,085,633	-	148,219,235	44,403,091,944

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/03/2025 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	31,581,783,000	-	-	31,581,783,000
- Quyền sử dụng đất	31,581,783,000	-	-	31,581,783,000
+ Quyền sử dụng thửa đất số 197 Đà Nẵng (1)	31,581,783,000	-	-	31,581,783,000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	31,581,783,000	-	-	31,581,783,000
- Quyền sử dụng đất	31,581,783,000	-	-	31,581,783,000

(1) Là quyền sử dụng thửa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (Nay là thửa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2010. Diện tích: 1052,2 m2. Mục đích sử dụng: Đất ở kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 1.2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Marubeni Itochu Steel Việt Nam	68,153,548,778	68,153,548,778	108,091,875,854	108,091,875,854
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Inox Việt Nam	19,274,028,334	19,274,028,334	27,287,884,027	27,287,884,027
- Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	15,633,121,741	15,633,121,741	-	-
- Công ty TNHH Tài Nguyên Liên Việt	2,950,944,194	2,950,944,194	6,966,953,368	6,966,953,368
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Đài Bay	-	-	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và Phát triển hạ tầng Việt Nam	1,877,000,000	1,877,000,000	8,355,792,434	8,355,792,434
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư BĐS Thăng Long	8,594,310,407	8,594,310,407	10,838,704,924	10,838,704,924
- Công ty TNHH Tư vấn và thương mại Đông Á	3,019,073,864	3,019,073,864	2,577,139,964	2,577,139,964
- Công ty TNHH China Steel Sumikin Việt Nam	4,365,214,211	4,365,214,211	9,984,235,428	9,984,235,428
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	12,439,856,027	12,439,856,027	17,041,515,218	17,041,515,218
- Các đối tượng khác	68,153,548,778	68,153,548,778	25,039,650,491	25,039,650,491
			108,091,875,854	108,091,875,854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/03/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	5,081,544,474	27,144,122,417	26,290,495,394	5,935,171,497
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	26,270,799,245	26,270,799,245	-
- Thuế thu nhập cá nhân	4,149,694,878	272,436,355	16,696,149	4,422,131,233
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	23,095,596	23,629,217		30,028,664
- Các loại thuế khác	100,000	574,257,600		574,357,600
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3,000,000	3,000,000	-
	908,654,000			908,654,000
Phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	56,966,665	549,291,322	549,291,322	56,966,665
- Thuế xuất, nhập khẩu	23,829,364	549,291,322		23,829,364
	33,137,301			33,137,301
Trong đó				
Phải nộp	5,081,544,474			5,935,171,497
Phải thu	56,966,665			56,966,665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/03/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	423,916,521,034	423,916,521,034	199,789,626,417	109,295,691,990	333,422,586,607	333,422,586,607
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Vĩnh Phúc (1)	27,434,532,135	27,434,532,135	10,434,532,135	10,500,000,000	27,500,000,000	27,500,000,000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	196,485,836,071	196,485,836,071	128,894,841,191	38,336,312,253	105,927,307,133	105,927,307,133
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thanh Trì (3)	199,996,152,828	199,996,152,828	60,460,253,091	60,459,379,737	199,995,279,474	199,995,279,474
	423,916,521,034	423,916,521,034	199,789,626,417	109,295,691,990	333,422,586,607	333,422,586,607

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0126/2024/HDHM-PN/SHB.112500 ngày 18/7/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thép các loại;

- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;

- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng văn kiện tín dụng cụ thể;
- Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:
- 01 xe ô tô tải có cần cầu nhẵn hiệu HINO, BKS 89H-008.74, sản xuất năm 2015 tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 277194 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 8 ngõ 63 Lê Đức Thọ - Mỹ Đình 2 - Nam Từ Liêm - Hà Nội - Cấp cho ông Nguyễn Chính Nghĩa; Nguyễn Thanh Hằng - Chuyển nhượng cho ông bà Nguyễn Văn Thụ - Nguyễn Thị Hương ngày 17/2/2022

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN562845, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CN/02854 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/05/2024 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN562844, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CN/02853 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/05/2024 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Dung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Hợp đồng tín dụng số CLC-2994-01 ngày 20/03/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép các loại;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:

- BĐS tại Lô đất mặt tiền đường Hoàng Sa – P.Thọ Quang – Q.Sơn Trà – Đà Nẵng theo GCN số BA645774 do UBND T.p Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2010 chuyển nhượng cho công ty CP Quốc tế Phương Anh ngày 17/01/2017.
 - BĐS tại địa chỉ A901 chung cư CT1 khu di dân GPMB ao Hoàng Cầu thuộc phường Ô Chợ Dừa – Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội theo GCN quyền sử dụng chỗ đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 222344 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 29/04/2021 cho ông Lê Đình Tuấn Bảo.
 - Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 756, Lô A22 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng theo GCN số BA645833 cấp ngày 09/12/2010. Đứng tên Ông Nguyễn Hùng Cường và Bà Vũ Thị Thu Hương theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 000141 ký ngày 16/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 756, Lô B4.1-5. Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng theo GCN số BA645940 cấp ngày 31/12/2010. Đứng tên Bà Nguyễn Thị Hương theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 000140 ký ngày 16/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - Nhà xưởng tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, Phường Phường Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo GCN số CV 380399 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 21/04/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 3143 ký ngày 09/06/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- (3) Hợp đồng tín dụng số 202427705586 ngày 23/05/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thanh Trì và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép các loại;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:

- Bất động sản tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 757, lô A16, khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo GCN số: BA 645827 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010 cho công ty cổ phần bất động sản Phương Trang, đã chuyển nhượng cho Bà Nguyễn Thị Hương và Ông Nguyễn Văn Thư ngày 07/01/2019,
- Bất động sản tại thửa đất số: 29, tờ bản đồ số: 29, địa chỉ: Trán Voi, Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 196361 đứng tên bà Đình Thị Thọ (Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022) do UBND huyện Quốc Oai thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/2008.
- Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 925313 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 05/01/2012 cho Bà Phùng Thị Mai Hương đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022.
- Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AH498534 ngày 07/03/2007 do UBND huyện Quốc Oai cấp cho bà Đình Thị Thọ đã đính chính chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Thanh Nga ngày 22/02/2022
- Quyền sử dụng đất GCN số BA 412746 do UBND Huyện Từ Liêm (nay là Q.Nam Từ Liêm) cấp ngày 09/03/2010, CSH: Nguyễn Văn Thư và Nguyễn Thị Hương, thửa số 253, tờ bản đồ số 1, địa chỉ số 86 ngách 63/5 Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm
- Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số: 254, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: xã Mỹ Đình , huyện Từ Liêm, TP Hà Nội, theo GCN số BA 412485, số vào sổ cấp GCN: CH00032 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2010.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO033712 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 11/10/2018 cho Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn đào Hạ Long.

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	280,499,680,000	556,025,698	86,946,208,990	368,001,914,688
- Lãi trong năm	-	-	2,913,806,355	2,913,806,355
31/12/2024	<u>280,499,680,000</u>	<u>556,025,698</u>	<u>89,860,015,345</u>	<u>370,915,721,043</u>
01/01/2025	280,499,680,000	556,025,698	89,860,015,345	370,915,721,043
- Lãi/lỗ trong năm	-	-	1,088,017,821	1,088,017,821
31/03/2025	<u>280,499,680,000</u>	<u>556,025,698</u>	<u>90,948,033,166</u>	<u>372,003,738,864</u>

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Quý này năm nay VND	Số quý này năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	280,499,680,000	280,499,680,000
- Vốn góp cuối năm	280,499,680,000	280,499,680,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.3 CỔ PHIẾU

	31/03/2025 CP	01/01/2025 CP
- Số lượng cổ phiếu đã được đăng ký phát hành	28,049,968	28,049,968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra	28,049,968	28,049,968
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28,049,968	28,049,968
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28,049,968	28,049,968
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28,049,968	28,049,968
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)		

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2025	01/01/2025
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	1.288,43	20.113,73

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	262,494,398,065	220,974,473,691
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,220,394,778	6,534,745,475
	266,714,792,843	227,509,219,166

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	9,821,700	16,144,366
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán		16,144,366
+ Hàng bán bị trả lại	9,821,700	

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	253,966,081,672	218,815,632,363
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	2,074,730,353	3,358,654,006
	256,040,812,025	222,174,286,369

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9,817,681	450,405
	9,817,681	450,405

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	6,243,625,065	1,839,022,026
- Chi phí lãi trả chậm		28,083,947
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư		
- vào đơn vị khác	452,984,714	
	6,696,609,779	1,867,105,973

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	1,573,619,164	950,549,444
- Chi phí nhân viên quản lý	564,427,533	581,700,564
- Chi phí đồ dùng văn phòng	16,124,937	16,247,699
- Khấu hao tài sản cố định	6,458,085	5,021,721
- Thuế, phí, lệ phí		3,000,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	258,261,139	44,356,944
- Chi phí quản lý khác	728,347,470	300,222,516
Các khoản chi phí bán hàng	1,041,566,672	459,404,962
- Chi phí công cụ dụng cụ	850,001	1,358,200
- Chi phí nhân viên bán hàng	407,124,882	271,505,168
- Khấu hao tài sản cố định	50,402,997	50,402,997
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	175,023,655	7,811,564
- Chi phí bán hàng khác	408,165,137	128,327,033
	2,615,185,836	1,409,954,406

25. THU NHẬP KHÁC

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
	VND	VND
- Các khoản khác	589	120,469
	589	120,469

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Số 60, đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 1 năm nay VND	Quý 1 năm trước VND
- Các khoản bị phạt	-	475,177,568
- Lãi chậm nộp	-	1,650,000
- Chi phí khác	1,727,597	24,057,970
	1,727,597	500,885,538

27. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Chi phí thuế TNDN hiện hành	Quý này năm nay VND	Số cùng kỳ năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,360,454,176	1,541,413,388
Tổng các khoản chi phí không được khấu trừ	1,727,597	-
Chi phí phạt chậm nộp, chi phí không phục vụ SXKD	1,727,597	
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1,362,181,773	1,541,413,388
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	272,436,355	308,282,678

28. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý này năm nay VND	Số cùng kỳ năm trước VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,088,017,821	1,233,130,710
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,088,017,821	1,233,130,710
Tổng số lượng cổ phiếu		
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	28,049,968	28,049,968
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	38.79	43.96

Hưng Yên, ngày 25 tháng 04 năm 2025


Trần Thị Hồng Khang
Người lập biểu

Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch HĐQT